

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGŨ HÙNG**

Số: 24/TB-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngũ Hùng, ngày 15 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO

**Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã của UBND xã
Ngũ Hùng 9 tháng đầu năm 2023**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số: 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;
Luật sửa đổi bổ sung 1 số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền
địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định
chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng
dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 03/NQ-HĐND ngày 06/01/2023 của Hội đồng nhân dân xã
Ngũ Hùng về dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách xã năm 2023;

Ủy ban nhân dân xã Ngũ Hùng thông báo về việc công khai số liệu thực hiện dự
toán ngân sách xã 9 tháng đầu năm 2023 gồm:

- Cân đối ngân sách xã 9 tháng đầu năm 2023 (Theo biểu số 113/CK TC-NSNN)
- Ước thực hiện thu ngân sách xã 9 tháng đầu năm 2023 (Theo biểu số 114/CK TC-NSNN)
- Ước thực hiện chi ngân sách xã 9 tháng đầu năm 2023 (Theo biểu số 115/CK TC-NSNN)

*** Hình thức và thời gian công khai:**

Niêm yết công khai tại Trụ sở làm việc UBND xã Ngũ Hùng ít nhất trong thời hạn
30 ngày, kể từ ngày niêm yết.

Thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã

Thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội, trưởng các
thôn.

Trên đây là nội dung công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 9 tháng đầu
năm 2023.

Trong thời gian niêm yết công khai nếu đại biểu, cử tri và nhân dân trên địa bàn có ý
kiến thắc mắc đề nghị phản ánh về UBND xã để kịp thời có phương án giải quyết.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND - UBND xã;
- Trưởng các ngành, đoàn thể;
- Trưởng các thôn;
- Lưu: VP.



Vũ Văn Lùng

Ngũ Hùng, ngày 15 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã 9 tháng đầu năm 2023

1. Về thu ngân sách xã

Tổng thu ngân sách trên địa bàn 9 tháng đầu năm 2023 thực hiện: 7.283.712.691 đồng, bằng 72,87% dự toán năm. Trong đó:

Một số chỉ tiêu thu đạt tỷ lệ cao: Thu HLCS từ quỹ đất công ích và đất công đạt 242,29%; thu phạt đạt 166,93%; thu thuế thu nhập cá nhân đạt 121,19%; thu thuế GTGT, TNDN đạt 115,66%; thu thuế đất phi nông nghiệp đạt 155,82%..

Bên cạnh đó, vẫn còn 1 số chỉ tiêu thu tỷ lệ còn đạt thấp so với dự toán như: Thu khác ngân sách đạt 0,16%; thu lệ phí trước bạ nhà đất đạt 44,15%; thu tiền cấp quyền sử dụng đất đạt 8,47%; thu phí, lệ phí đạt 48,68%...

(Số liệu chi tiết theo biểu 114/CK TC-NSNN kèm theo)

2. Về chi ngân sách

Tổng chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 thực hiện: 5.436.759.781 đồng, đạt 54,40% so với dự toán giao. Trong đó: Chi thường xuyên: 4.272.944.781 đồng, đạt 74,38% kế hoạch, chi đầu tư XD CB: 1.163.815.000 đồng, đạt 27,38%

UBND xã đã bám sát dự toán đầu năm được HĐND xã phê duyệt. 9 tháng đầu năm 2023 đã thực hiện tiết kiệm các khoản chi, về cơ bản đã đảm bảo kịp thời nhu cầu chi thường xuyên của các cấp, các ngành theo dự toán và nhiệm vụ đột xuất của địa phương. Công tác quản lý chi ngân sách được tăng cường, đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả./.

(Số liệu chi tiết theo biểu 115/CK TC-NSNN kèm theo)

Trên đây là báo cáo khái quát tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã 9 tháng đầu năm 2023 của UBND xã Ngũ Hùng./.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
VŨ VĂN LŨNG



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023	SO SÁNH (%)
TỔNG SỐ THU	9.994.961.524	7.283.712.691	72,87
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	252.000.000	541.107.293	214,73
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.503.000.000	435.920.874	17,42
III. Thu bổ sung	6.713.257.000	5.779.980.000	86,10
- Bổ sung cân đối	4.633.277.000	3.700.000.000	79,86
- Bổ sung có mục tiêu	2.079.980.000	2.079.980.000	100,00
IV/ Thu chuyển nguồn ngân sách	526.704.524	526.704.524	100,00
TỔNG SỐ CHI	9.994.961.524	5.436.759.781	54,40
I. Chi đầu tư phát triển	4.250.000.000	1.163.815.000	27,38
II. Chi thường xuyên	5.606.662.524	4.163.944.781	74,27
III. Dự phòng	138.299.000	109.000.000	78,81

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh (%)
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NĂM 2022	9.994.961.524	7.283.712.691	72,87
I	CÁC KHOẢN THU HƯỞNG 100%	252.000.000	541.107.293	214,73
1	Phí và lệ phí	40.000.000	19.470.000	48,68
2	Thu từ quỹ đất CI & HLCS			
	<i>Thu HLCS từ quỹ đất công ích và đất công</i>	<i>175.000.000</i>	<i>424.000.000</i>	<i>242,29</i>
	<i>Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất</i>		<i>85.905.000</i>	
3	Thu từ hoạt động KT và SN			
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	7.000.000	11.685.000	166,93
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			
6	Thu khác	30.000.000	47.293	0,16
II	CÁC KHOẢN THU HƯỞNG THEO TỶ LỆ %	2.503.000.000	435.920.874	17,42
1	Các khoản thu phân chia	181.000.000	162.124.159	89,57
1.1	Thuế đất phi nông nghiệp (100%)	44.000.000	68.560.715	155,82
1.2	Lệ phí môn bài từ cá nhân hộ kinh doanh (100%)	11.000.000	10.200.000	92,73
1.3	Thuế thu nhập cá nhân (xã 80%; TT 50%)	36.000.000	43.628.339	121,19
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất (100%)	90.000.000	39.735.105	44,15
2	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định	2.322.000.000	273.796.715	11,79
2.1	<i>Tiền cấp quyền sử dụng đất</i>	<i>2.250.000.000</i>	<i>190.522.500</i>	<i>8,47</i>
2.2	<i>Thuế GTGT, TNDN</i>	<i>72.000.000</i>	<i>83.274.215</i>	<i>115,66</i>
III	THU CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH	526.704.524	526.704.524	100,00
IV	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH NĂM TRƯỚC			
V	THU BỔ SUNG CHI THƯỜNG XUYÊN	6.713.257.000	5.779.980.000	86,10
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	4.494.978.000	3.591.000.000	79,89
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.079.980.000	2.079.980.000	100,00
3	Dự phòng ngân sách	138.299.000	109.000.000	78,81



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	9.994.961.524	4.250.000.000	5.744.961.524	5.436.759.781	1.163.815.000	4.272.944.781	54,40	27,38	74,38
1	Chi DQ tự vệ, trật tự an toàn XH	1.544.306.400	1.000.000.000	544.306.400	1.494.725.915	1.000.000.000	494.725.915	96,79		90,89
	<i>Trong đó : Chi Quốc phòng</i>	334.656.400		334.656.400	318.884.915		318.884.915	95,29		95,29
	<i>Chi an ninh</i>	1.209.650.000	1.000.000.000	209.650.000	1.175.841.000	1.000.000.000	175.841.000	97,21		83,87
2	Chi sự nghiệp giáo dục	166.695.000	163.815.000	2.880.000	165.975.000	163.815.000	2.160.000	99,57		75,00
3	Chi sự nghiệp y tế	21.907.000		21.907.000	0			0,00		0,00
4	Chi sự nghiệp văn hóa, Đài TT	75.511.600	0	75.511.600	65.289.100	0	65.289.100	86,46		86,46
	<i>Chi sự nghiệp văn hóa</i>	30.000.000		30.000.000	33.010.000		33.010.000	110,03		110,03
	<i>Chi sự nghiệp Đài TT</i>	45.511.600		45.511.600	32.279.100		32.279.100	70,92		70,92
5	Chi sự nghiệp TĐTT	10.000.000		10.000.000	9.000.000		9.000.000	90,00		90,00
6	Chi sự nghiệp kinh tế	1.142.102.000	1.000.000.000	142.102.000	96.168.600	0	96.168.600	8,42		67,68
	<i>Trong đó : Chi sự nghiệp giao thông</i>	1.028.704.000	1.000.000.000	28.704.000	23.300.000		23.300.000	2,26		81,17
	<i>Chi SN thú y, nông, lâm, TL</i>	113.398.000		113.398.000	72.868.600		72.868.600	64,26		64,26
7	Chi sự nghiệp Môi trường	35.599.000		35.599.000	34.027.200		34.027.200	95,58		95,58
8	Chi sự nghiệp xã hội	570.982.200	0	570.982.200	395.004.600	0	395.004.600	69,18		69,18
	<i>Lương hưu và trợ cấp BHXH</i>	413.982.200		413.982.200	266.424.600		266.424.600	64,36		64,36



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	Chính sách & hoạt động phục vụ người có công với CM	130.000.000		130.000.000	118.340.000		118.340.000	91,03		91,03
	Chính sách & hoạt động phục vụ các DT BTXH và các đối tượng khác	27.000.000		27.000.000	10.240.000		10.240.000	37,93		37,93
9	Chi QL Nhà nước, Đảng & các Đoàn thể	6.203.637.224	2.086.185.000	4.117.452.224	3.008.319.366	0	3.008.319.366	48,49	0,00	73,06
	Chi hoạt động QLNN	4.600.911.824	2.086.185.000	2.514.726.824	1.835.796.923		1.835.796.923	39,90	0,00	73,00
	Chi hoạt động Đảng CSVN	781.383.700		781.383.700	561.195.906		561.195.906	71,82		71,82
	Chi hoạt động MTTQ	285.966.000		285.966.000	187.443.958		187.443.958	65,55		65,55
	Chi hoạt động Đoàn TN	146.402.000		146.402.000	136.265.742		136.265.742	93,08		93,08
	Chi hoạt động Hội PN	139.591.300		139.591.300	115.481.181		115.481.181	82,73		82,73
	Chi hoạt động Hội CCB	86.352.000		86.352.000	48.292.525		48.292.525	55,93		55,93
	Chi hoạt động Hội ND	163.030.400		163.030.400	123.843.131		123.843.131	75,96		75,96
10	Chi khác	85.922.100		85.922.100	59.250.000		59.250.000	68,96		68,96
11	Dự phòng ngân sách xã	138.299.000		138.299.000	109.000.000		109.000.000	78,81		78,81

